

Số: /BC-STC

Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

Thực hiện Công văn số 113/UBND-KTTH ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2022.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành và các đơn vị về kết quả THPTK, CLP năm 2022, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THPTK, CLP

Công tác triển khai thực hiện THPTK, CLP đã được các sở, ban, ngành các cấp và UBND các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) quan tâm thường xuyên phối hợp với các đoàn thể, quần chúng tổ chức học tập, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan đến công tác THPTK, CLP; Chương trình THPTK, CLP của Trung ương, của tỉnh, của ngành, lĩnh vực mình đến từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, cụ thể: Luật THPTK, CLP; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THPTK, CLP; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật THPTK, CLP; Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022... Trên cơ sở đó, từng bước nâng cao nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, hành động trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Các cơ quan thông tấn báo chí tích cực trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các phương tiện thông tin đại chúng đến người dân bằng nhiều hình thức thích hợp và hiệu quả. Cụ thể:

Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan sản xuất chuyên mục “Nhà nước pháp luật” phát sóng vào 21h20’ tối Chủ nhật hàng tuần; phối hợp với Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh sản xuất chương trình “Luật sư của bạn” trên sóng truyền hình. Tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục đối với công dân và doanh nghiệp, nhất là việc triển khai thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” ở các địa phương, đơn vị.

Năm 2022 đã tuyên truyền 208 chuyên mục Nhà nước pháp luật, 52 chương trình “Luật sư của bạn”, khoảng 600 tin, phóng sự ngắn tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thông qua các chuyên mục, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực.

II. KẾT QUẢ VỀ THTK, CLP TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

1. Về kết quả ban hành, thực hiện các định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật của địa phương

1.1. Về việc ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ

a) Về việc ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật của địa phương

Ngoài việc tiếp tục thực hiện các chính sách, định mức, tiêu chuẩn của Trung ương và địa phương đã ban hành còn hiệu lực, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về THTK, CLP, thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức trong từng lĩnh vực, cập nhật kịp thời để tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp, làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản, tài nguyên của Nhà nước được chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của Luật THTK, CLP.

Năm 2022, Sở Tài chính đã tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết, 02 quyết định liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ về tài chính thực hiện trên địa bàn tỉnh và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành trên các lĩnh vực.

b) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Trung ương, của tỉnh ban hành. Các cơ quan đơn vị chủ động thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế sử dụng tài sản công, từ đó tạo quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý và chi tiêu tài chính của đơn vị, thực hiện dân chủ công khai, minh bạch trong quản lý tài chính tài sản, trong kiểm tra giám sát của công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, sử dụng tài sản đúng mục đích và đạt hiệu quả cao theo những định hướng của Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã đề ra đúng với Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị

định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (nay là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập).

- Thực hiện cắt giảm các khoản chi mua sắm, sửa chữa chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm các khoản chi hành chính như xăng, dầu, hội nghị, văn phòng phẩm. Thực hiện việc mua sắm tài sản đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo quy định.

- Nâng cao năng lực, kỷ luật, đạo đức, thái độ thực thi pháp luật, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trách nhiệm thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 - 2008 tại các cơ quan đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý điều hành, cũng như vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức.

c) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức được xây dựng và ban hành đúng pháp luật

- Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Trung ương và địa phương; Sở Tài chính đã phối hợp với các ngành chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản để làm cơ sở kiểm soát, quyết toán chi theo đúng quy định hiện hành, làm cơ sở đánh giá kết quả THPT, CLP. Đến nay, tất cả các đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định cụ thể định mức, chế độ, tiêu chuẩn cho phù hợp; xây dựng phương án sử dụng tiết kiệm nguồn kinh phí tự chủ và được thực hiện công khai, dân chủ trong Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm.

- Thực hiện cơ chế khoán chi giao quyền tự chủ, kinh phí tiết kiệm được dùng để chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động và khen thưởng cho tập thể, cá nhân theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị.

1.2. Về việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

- Việc tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

+ Về phương tiện đi lại (xe ô tô phục vụ công tác và xe ô tô chuyên dùng):

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Sở Tài chính đã báo cáo kết quả rà soát và đề xuất về việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô hiện có của tỉnh. Sau khi UBND tỉnh quyết định về việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô hiện hành, Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quy định về việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô và thuê dịch vụ xe ô tô tại các cơ quan đơn vị. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô

tô phục vụ công tác và khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Thực hiện Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã ban hành hướng dẫn tại Công văn số 483/STC-QLCS&DN ngày 22/4/2022 của Sở Tài chính về hướng dẫn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

+ Về mua sắm, trang thiết bị phương tiện làm việc của các đơn vị: Thực hiện Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của tỉnh Bắc Ninh về việc công bố danh mục mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, để phát huy hiệu quả của phương thức mua sắm tập trung, các cơ quan, đơn vị, UBND các cấp lập nhu cầu mua sắm, việc đăng ký mua sắm, sửa chữa, quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ ban hành, không sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc vào việc riêng. Chỉ đạo các cơ quan đơn vị xây dựng, bổ sung quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ và quy định rõ việc sử dụng, bảo quản trang thiết bị làm việc đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đều đang sử dụng phần mềm đăng ký và quản lý tài sản của tỉnh đảm bảo việc quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản nhà nước.

+ Khai thác tốt mạng Internet, công nghệ thông tin, hệ thống hồ sơ công việc giảm dần việc phát hành, gửi văn bản giấy tờ hành chính theo truyền thống; sử dụng hộp thư điện tử và hệ thống quản lý văn bản để trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi trong việc xử lý công việc, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Việc tuân thủ các quy định về đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng.

+ Bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc tương đối đảm bảo, phù hợp với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thực hiện điều chuyển, thanh lý tài sản công đúng thẩm quyền và đúng quy định của Luật quản lý tài sản, chỉ thanh lý những tài sản không còn giá trị sử dụng, hiệu quả sử dụng thấp, không phù hợp với yêu cầu thực tế.

+ Các cơ quan, đơn vị xác định rõ trách nhiệm trong quản lý sử dụng tài sản công, đầu tư bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức; quản lý sử dụng tài sản đúng mục đích, đúng quy định của Pháp luật. Thường xuyên có kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình đã xuống cấp, hư hỏng đáp ứng yêu cầu sử dụng và khai thác phục vụ công việc được giao.

+ Triển khai thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài sản nhà nước theo quy định. Diện tích phòng làm việc của các cơ quan, đơn vị được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, phát huy được công năng sử dụng, phục vụ có hiệu quả công việc chuyên môn.

1.3. Về THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Tỉnh ủy, UBND tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong quần chúng nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THPTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, tạo mọi điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân đầu tư, phát triển. Đẩy mạnh việc tổ chức cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, lối sống xa hoa, lãng phí và được người dân hưởng ứng; tổ chức biểu dương kịp thời gia đình văn hóa xuất sắc, gương người tốt, việc tốt trong việc THPTK, CLP và kịp thời phê phán những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí.

Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid, thiên tai, dịch bệnh trên đàn gia súc diễn biến phức tạp... đời sống của người dân bị ảnh hưởng. Nhân dân đã thực hành tiết kiệm để ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Việc tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của Nhân dân được cắt giảm tối đa; các hoạt động được tổ chức đều bảo đảm tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh, không gây lãng phí.

2. Về kết quả THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN

2.1. THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, các nhiệm vụ chi về quốc phòng an ninh, chính sách an sinh xã hội, phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi, định mức phân bổ, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, các chế độ chính sách của trung ương ban hành và các chính sách đặc thù của địa phương; căn cứ văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm của Bộ Tài chính. Sở Tài chính đã ban hành văn bản hướng dẫn số 1086/STC-QLNS ngày 08/9/2021 về việc xây dựng dự toán NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính NSNN năm 2022- 2024 đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ hướng dẫn tại các văn bản trên để đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2022-2024 sát với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương.

Về việc giao dự toán

- Đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh: Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp dưới đảm bảo đúng dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng loại, khoản của mục lục ngân sách nhà nước theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách, Thông tư 93/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm

2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 324/2016/TT-BTC.

- Đối với ngân sách huyện, thành phố: Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương đảm bảo các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo; chi tiết đến loại, khoản của mục lục ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ tăng thêm trong năm 2022.

- Các cơ quan và địa phương tiếp tục thực hiện các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2022 từ: một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2021 còn dư chuyển sang (nếu có); 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2021.

Quyết toán nguồn kinh phí của các đơn vị

Thực hiện chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ 10% tiết kiệm chi thường xuyên (sau khi trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ). Từ năm 2020-2022, 70% số tăng thu dành nguồn làm lương kỳ sau, 30% số tăng thu dành chi đầu tư phát triển. Đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, chủ động xây dựng kế hoạch và giải pháp nhằm sử dụng nguồn kinh phí hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng ngân sách công khai, minh bạch; cơ chế quản lý tài chính, chế độ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; quy chế chi tiêu nội bộ trong việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên, hạn chế tối đa việc giải quyết kinh phí phát sinh tăng thêm so với dự toán được duyệt. Kinh phí còn dư tại cấp ngân sách, kinh phí thu hồi các đơn vị hàng năm được thu hồi về nguồn tiết kiệm chi. Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách.

Kết quả như sau:

- 10% tiết kiệm chi thường xuyên (sau khi trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dành nguồn cải cách tiền lương là 244.314 triệu đồng, trong đó:

+ Tiết kiệm chi thường xuyên cấp huyện, xã năm 2022 là 103.122 triệu đồng (cấp huyện là 73.402 triệu đồng, cấp xã 29.720 triệu đồng).

+ Tiết kiệm chi thường xuyên khối tỉnh là 141.192 triệu đồng.

- Tiết kiệm do tăng thu 70% tăng thu để chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ thu điều tiết ngân sách cấp tỉnh năm 2022 là 955.608 triệu đồng.

- Trong công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình XD/CB: Năm 2022, 08 huyện, thành phố và Sở Tài chính đã thẩm định, phê duyệt 896 công trình, hạng mục công trình tổng mức đầu tư đề nghị phê duyệt 6.605.403 triệu đồng, giá trị sau khi thẩm định: 6.542.312 triệu đồng, giảm trừ so với giá trị trình quyết toán là 63.091 triệu đồng cho ngân sách.

* Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: Dự toán giao 3.813 tỷ, số thực hiện 2.948 tỷ đồng đạt 77,3% dự toán,

- Chi sự nghiệp y tế: Dự toán 964 tỷ đồng, ước thực hiện 685 tỷ đồng, đạt 71% dự toán.

- Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ: Dự toán giao 61 tỷ, ước thực hiện 57 tỷ đồng đạt 93,4% dự toán.

Năm 2022, một số nhiệm vụ không được triển khai theo dự toán phải thu hồi hoặc điều chỉnh như đề án mua sắm giáo dục theo Nghị quyết 316/NQ-HĐND (năm 2021 và năm 2022), nhiệm vụ công nghệ thông tin; khó khăn trong đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất...

2.2. Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia

2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022.

a) Chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo

- Hỗ trợ 435.456.524 đồng tiền ăn, tiền đi lại cho bệnh nhân nghèo có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

- 100% người nghèo, người cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Trong đó:

+ Cấp 8.244 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo với kinh phí 6.633.892.000 đồng.

+ Cấp 9.776 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo với kinh phí 7.866.546.000 đồng.

b) Chính sách hỗ trợ giáo dục

Thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục: 100% học sinh là con hộ nghèo đang học tại các cấp phổ thông trong tỉnh, được miễn, giảm một phần học phí, các em học sinh thuộc hộ nghèo đặc biệt khó khăn được hỗ trợ sách giáo khoa, học sinh nghèo học giỏi được cấp học bổng. Cơ sở vật chất về trường, lớp và trang thiết bị đồ dùng trong giảng dạy của hệ thống giáo dục trong tỉnh tiếp tục được đầu tư nâng cấp đồng bộ, hiện đại. Cụ thể: Trong năm học 2022-2023 đã miễn giảm 6.094.500.000 đồng học phí và hỗ trợ 864.250.000 đồng chi phí học tập.

c) Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo

Trên tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh văn bản số 1697/UBND-KTTH ngày 14/6/2022 về việc xây dựng Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở giai đoạn

2022-2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, theo kết quả rà soát của UBND các huyện và thành phố, hiện trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hộ nghèo có khó khăn về nhà ở cần được hỗ trợ, thậm chí tăng số lượng do áp dụng Quy định chuẩn nghèo đa chiều mới.

Do vậy, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 với mục tiêu tập trung phấn đấu giải quyết cơ bản tình trạng nhà ở dột nát, hư hỏng nặng cho các hộ nghèo theo kết quả rà soát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xong trong năm 2022; đảm bảo sau khi hỗ trợ các hộ xây dựng được nhà ở an toàn, góp phần cải thiện cuộc sống ổn định, bền vững.

Tổng số hộ nghèo đề nghị hỗ trợ: 262 hộ. Với nhu cầu vốn: 17.030.000.000 đồng. Trong đó đã hoàn thiện 226 nhà với kinh phí 13.355.000.000 đồng.

d) Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã chủ động tham mưu thực hiện, chỉ đạo các đơn vị tập trung cho vay nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ như: Cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường, cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, cho vay các mô hình dự án, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm.

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu về vốn để sản xuất, kinh doanh được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Cho vay hộ nghèo lũy kế từ đầu năm là 180.000.000.000 đồng, với 3.548 hộ được vay vốn; cho vay hộ cận nghèo là 243.000.000.000 đồng với 4.891 hộ được vay vốn.

e) Các Chính sách hỗ trợ khác

- Hỗ trợ về nước sạch, vệ sinh: Kinh phí hỗ trợ công trình nước sạch nông thôn bằng nguồn ngân sách là: 3.833.000.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ về phát triển sản xuất nông nghiệp với kinh phí 148.679.889.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện: 100% hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo đúng quy định. Trong năm đã hỗ trợ: 4.209 hộ nghèo (tính theo số hộ nghèo của năm 2021 chuyển sang khi chưa có kết quả rà soát năm 2022) với kinh phí: 2.474.892.000 đồng.

- Chính sách an sinh xã hội: 100% hộ nghèo được nhận quà Tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022. Cụ thể: Trao tặng 4.209 suất quà cho hộ nghèo trị giá 4.641.100.000 đồng.

2.2.2. *Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022.*

Hiện nay, toàn tỉnh đang thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, quản lý, duy trì các tiêu chí trên cơ sở cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân cũng như thực hiện và phát huy tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phong trào thi đua “Bắc Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”; thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”,... Qua đó đã tạo cho nông thôn trong tỉnh một diện mạo văn minh, văn hóa, sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao. 100% số xã, huyện trong tỉnh đã và đang triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao hướng tới nông thôn mới kiểu mẫu.

Đến nay, Bắc Ninh có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, có 8/8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 09 xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Năm 2022, tỉnh Bắc Ninh không được ngân sách trung ương bổ sung kinh phí để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2.3. Quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước

Căn cứ vào quy định tại Khoản 19, Điều 4, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH14, hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 14 quỹ ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý. Các quỹ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được thành lập với quy mô, tính chất và phạm vi khá đa dạng, cơ bản phù hợp theo các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về mục tiêu, phạm vi và các lĩnh vực hoạt động. Kết quả hoạt động của các quỹ trong thời gian qua tại địa phương đã góp phần tích cực trong việc hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển; góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Năm 2022: Dư nguồn đến 31/12/2021 là 1.348.005 triệu đồng, ước thực hiện tổng nguồn vốn phát sinh trong năm là 364.748 triệu đồng trong đó phát sinh từ ngân sách là 26.565 triệu đồng, tổng vốn sử dụng trong năm là 228.425 triệu đồng, dư cuối năm 1.484.328 triệu đồng.

2.4. THTK, CLP trong giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, tổ chức

Sở Tài chính Bắc Ninh báo cáo cơ chế tự chủ về tài chính của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh ước thực hiện năm 2022, như sau:

2.4.1. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ quan nhà nước theo ND 130, ND 117.

- Số lượng đơn vị triển khai: Tổng số đơn vị là 315 đơn vị, số đơn vị đã thực hiện tự chủ là 165 đơn vị.

Kết quả thực hiện:

- Về biên chế:

Tổng biên chế, HĐ68 được giao:	2.205 người
Số có mặt:	2.129 người
Số biên chế tiết kiệm:	76 người

- Về kinh phí:

Kinh phí giao tự chủ:	373.496 triệu đồng.
Kinh phí tiết kiệm:	30.763 triệu đồng.
Tỷ lệ tiết kiệm so với KP giao:	8,24 %

- Phân phối kinh phí tiết kiệm:

Số đơn vị có hệ số thu nhập dưới 0,1 lần: 10 đơn vị
 Số đơn vị có hệ số thu nhập trên 0,1 đến 0,2 lần: 9 đơn vị
 Số đơn vị có hệ số thu nhập trên 0,2 đến 0,3 lần: 2 đơn vị
 Số đơn vị có hệ số thu nhập trên 0,3 đến 0,4 lần: 7 đơn vị
 Đơn vị có người có thu nhập bình quân cao nhất: 4.300.000 đ/tháng
 Đơn vị có người có thu nhập bình quân thấp nhất: 200.000 đ/tháng
 - Chi khen thưởng, phúc lợi: 22.133 triệu đồng.

Các cơ quan hành chính các cấp ở địa phương đã thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo đúng các quy định hiện hành, không phát hiện có sai phạm trong quá trình thực hiện.

2.4.2. Tình hình thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Tính đến thời điểm hiện tại các đơn vị đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

* Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị

Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ:	577 đơn vị
Trong đó: Đơn vị tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư:	4 đơn vị
Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên:	20 đơn vị
Đơn vị đảm bảo 1 phần chi thường xuyên:	87 đơn vị
Đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ:	466 đơn vị.

* Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị.

Về nguồn thu trên địa bàn

Tổng thu trên địa bàn:	5.435.241 trđ
+ Ngân sách nhà nước cấp:	3.412.375 trđ
+ Nguồn thu phí được để lại chi:	71.341 trđ
+ Nguồn thu dịch vụ khác:	1.516.074 trđ
+ Nguồn khác:	435.450 trđ

** Về sử dụng nguồn tài chính trên địa bàn*

Tổng chi trên địa bàn: 5.122.466 trđ

Trong đó chi từ nguồn NSNN: 3.127.425 trđ

Phân phối kết quả tài chính

+ Chênh lệch thu chi: 312.775 triệu đồng

+ Trích lập các Quỹ: 307.912 triệu đồng (Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 78.508 triệu đồng, Quỹ bổ sung thu nhập 152.999 triệu đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi 63.006 triệu đồng, Quỹ khác 13.399 triệu đồng).

2.4.3. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ

- Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập: Năm 2022 so với năm 2015, khối tỉnh giảm được 28 đơn vị.

Năm 2022, thực hiện xác định mức độ tự chủ và phân loại đơn vị sự nghiệp cho giai đoạn mới theo Nghị định 60, nên loại hình đơn vị có sự thay đổi (tăng hoặc giảm mức độ tự chủ). So với năm 2021, toàn tỉnh tăng 01 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tăng 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và tăng 26 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

- Toàn bộ các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo đúng các quy định hiện hành; sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đúng quy định hiện hành; thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; không phát hiện sai phạm trong quá trình thực hiện.

- Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương về đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với một số lĩnh vực còn chậm, khó khăn trong quá trình hướng dẫn triển khai thực hiện.

3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, của tỉnh, thực hiện rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo tiêu chuẩn, định mức làm cơ sở cho việc bố trí dự toán và tổ chức thực hiện mua sắm, đi thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, xử lý tài sản theo quy định.

- Các đơn vị thực hiện nghiêm túc Quyết định số 109/2008/QĐ-UBND ngày 30/7/2008; Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v ban hành quy chế về quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Đến nay, tất cả các đơn vị được giao quản lý tài sản đã xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; thực hiện theo dõi trên phần mềm QLTS.VN theo quy chế quản lý, khai thác, sử dụng phần mềm quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh

Bắc Ninh ban hành theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 03/05/2017 của UBND tỉnh. Các đơn vị nhập và quản lý tài sản trên phần mềm QLTS.VN luôn kịp thời và đúng quy định. Từ năm 2020, đã thực hiện cập nhật công khai số liệu tài sản của các cơ quan, đơn vị lên hệ thống Trung tâm điều hành thành phố thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh.

- Việc mua sắm tài sản tập trung theo đúng danh mục mua sắm tài sản tập trung theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Việc mua sắm tài sản công từ nguồn NSNN được thực hiện theo nguyên tắc tiết kiệm, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành. Thực hiện theo đúng phân cấp trong việc mua sắm, bán, điều chuyển, quản lý và sử dụng tài sản công.

Các đơn vị tổ chức thực hiện tiết kiệm tối thiểu 1% trong mua sắm theo Thông báo số 43/TB-UBND ngày 25/7/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, có các biện pháp thực hiện hợp lý, tiết kiệm trong hoạt động đấu thầu theo quy định.

- Các đơn vị nghiêm túc thực hiện Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh V/v ban hành quy chế về quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản của cơ quan, đơn vị mình góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản, tiết kiệm NSNN.

- 100% các đơn vị đã thực hiện công khai kế hoạch mua sắm, công khai kết quả mua sắm tài sản nhà nước, ngay sau khi kết thúc năm dương lịch sẽ thực hiện kiểm kê tài sản, báo cáo kiểm kê, hao mòn, báo cáo kê khai tài sản và báo cáo tình hình thực hiện công khai việc quản lý sử dụng tài sản tại đơn vị mình theo đúng mẫu biểu quy định hiện hành tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính theo quy định.

Kết quả thực hiện

- Về mua sắm ô tô: Ngày 25/5/2022 Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 488/QĐ-UBND về việc điều chuyển, thu hồi xe ô tô phục vụ công tác chung (đợt 1), trong đó quyết định điều chuyển 11 xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi 70 xe ô tô (có 69 xe đủ điều kiện thanh lý, 01 xe của DNNN chưa đủ điều kiện thanh lý).

Trong năm 2022, toàn tỉnh mua mới 04 xe ô tô, cụ thể: Văn phòng UBND tỉnh mua mới 01 xe phục vụ chức danh, Văn phòng Tỉnh ủy mua mới 01 xe phục vụ chức danh, Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ mua 02 xe chuyên dùng.

Số lượng xe đến thời điểm báo cáo là 255 xe, trong đó có: 08 xe phục vụ chức danh, 97 xe phục vụ công tác chung và 150 xe chuyên dùng.

- Về mua sắm, trang thiết bị phương tiện làm việc của các đơn vị: Thực hiện Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của tỉnh Bắc Ninh về việc công bố danh mục mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2022, thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với 09 gói thầu sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên:

- + Tổng giá gói thầu là 19.247 triệu đồng.
- + Tổng giá trúng thầu là 18.977 triệu đồng.
- + Chênh lệch giảm: 270 triệu đồng.

Trong đó 03 gói thầu phi tư vấn, 05 gói thầu tư vấn thực hiện lựa chọn nhà thầu không qua mạng theo hình thức chỉ định thầu, 01 gói thầu đấu thầu qua mạng theo hình thức đấu thầu rộng rãi.

- Về công tác quản lý tài sản: Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 07 đơn vị với tổng số tiền là 33.068 triệu đồng. Phân bổ kinh phí cho các đơn vị là 361,8 tỷ đồng (bao gồm chi sửa chữa 192,9 tỷ đồng; chi mua sắm 168,9 tỷ đồng). Thảm định danh mục mua sắm tài sản cố định cho 5 đơn vị với tổng kinh phí 8.904 triệu đồng; thảm định, trình ban hành tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng cho 9 đơn vị. Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản bị tịch thu sung công quỹ nhà nước 13 vụ; xử lý số thu tài khoản tạm giữ đối 15 đơn vị với tổng số tiền là 9.718 triệu đồng.

4. THPT, CLP trong đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

4.1. Lập, thảm định, phê duyệt danh mục dự án đầu tư, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội; phân bổ vốn đầu tư công; đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư; việc thực hiện tiết kiệm qua đấu thầu của tỉnh

4.1.1. Kết quả phân bổ vốn đầu tư công năm kế hoạch 2022

Trên cơ sở số liệu theo dõi của Tổ công tác, tổ giúp việc rà soát, giải quyết khó khăn và đôn đốc giải ngân, thanh quyết toán, thu hồi vốn đầu tư công (Tổ công tác 778) đến hết ngày 31/01/2023, kết quả phân bổ vốn đầu tư công của tỉnh Bắc Ninh trong năm 2022 cụ thể như sau:

a) Kế hoạch đầu tư công do Chính phủ giao

Tổng số kế hoạch đầu tư công NSNN do Chính phủ giao là 7.218.141 triệu đồng, cụ thể:

- 6.890.837 triệu đồng vốn đầu năm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021.

- 296.000 triệu đồng vốn bổ sung trong năm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1126/QĐ-TTg ngày 25/9/2022.

- 31.304 triệu đồng được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho phép kéo dài tại Công văn số 3261/BKHĐT-TH ngày 19/5/2022.

b) Kế hoạch đầu tư công do HĐND tỉnh Bắc Ninh giao

Triển khai các quyết định của Trung ương, trên cơ sở nguồn lực của tỉnh, HĐND tỉnh Bắc Ninh đã thông qua các Nghị quyết: số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, số 108/NQ-HĐND ngày 30/03/2022, số 109/NQ-HĐND ngày 30/03/2022, số 133/NQ-

HĐND ngày 07/7/2022, số 148/NQ-HĐND ngày 27/10/2022, số 155/NQ-HĐND ngày 27/10/2022 với tổng số kế hoạch đầu tư công năm 2022 là 10.380.066 triệu đồng.

c) Kế hoạch đầu tư công NSNN do UBND tỉnh giao UBND cấp huyện và phân bổ chi tiết

Triển khai các Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện giao UBND cấp huyện và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2022 với số vốn là 9.654.544 triệu đồng.

d) Số vốn 03 cấp tỉnh-huyện-xã phân bổ chi tiết đến từng dự án

Số vốn năm kế hoạch 2022 các cấp tỉnh-huyện-xã phân bổ chi tiết đến từng dự án, bao gồm cả vốn kế hoạch năm 2021 được phép kéo dài sang năm 2022 là 8.154.812 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước do cấp tỉnh quản lý là 3.466.455 triệu đồng (bao gồm 100% vốn NSTW hỗ trợ).

- Vốn ngân sách nhà nước do cấp huyện, xã quản lý là 4.592.784 triệu đồng.

- Vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư là 95,5 tỷ đồng.

4.1.2. Đánh giá chung tình hình phân bổ vốn đầu tư công năm 2022

- Kế hoạch đầu tư công năm 2022 được tỉnh Bắc Ninh thực hiện công khai, minh bạch, nguồn vốn đầu tư công được phân bổ chi tiết đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định của Trung ương, của tỉnh.

- Hoàn thành việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn ODA (đạt 100%) và thực hiện giao nguồn vốn ngân sách địa phương đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ đủ điều kiện, theo quy định của Luật Đầu tư công (*Kế hoạch đầu tư công NSNN do UBND tỉnh giao UBND cấp huyện và phân bổ chi tiết đạt 133,7% kế hoạch Trung ương giao*). Việc phân bổ nguồn vốn chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, có tính liên kết tạo không gian mới, động lực để phát triển kinh tế-xã hội

- Trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu các cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ như:

- + Ban hành các văn bản tăng cường quản lý đầu tư công, đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 ngày từ đầu năm như: Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 07/01/2022, Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/02/2022, Văn bản số 987/QĐ-UBND ngày 13/4/2022, Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 24/6/2022, Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 29/7/2022 và các thông báo kết luận giao ban UBND tỉnh về đầu tư công; trong đó gồm nhiều giải pháp nhằm tăng cường, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công, UBND các huyện, thành phố trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch năm và giải ngân vốn đầu tư công; duy trì Tổ công tác 778 rà soát, giải quyết khó khăn và đôn đốc giải ngân,

thanh quyết toán, thu hồi vốn đầu tư công; báo cáo HĐND tỉnh điều chuyển vốn đầu tư công năm 2022.

+ Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các dự án giao thông trọng điểm giai đoạn 2021-2025. Tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, đoàn công tác do lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì nhằm giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và giải ngân vốn đối với các công trình, dự án quan trọng.

+ Chỉ đạo đôn đốc các Chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh thủ tục đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và các công trình thuộc các lĩnh vực: chăm sóc và khám chữa bệnh cho nhân dân, giáo dục và đào tạo, lĩnh vực văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng, xử lý nước thải khắc phục ô nhiễm môi trường, lĩnh vực nông nghiệp, xử lý sạt lở bờ, bãi đê sông...

4.1.3. Công tác tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và công tác điều hành của UBND tỉnh năm 2022, Kế hoạch phát triển năm 2023; đồng thời thực hiện lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm với việc giao các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội cho các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị. Trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, hàng, tháng, quý, 6 tháng, cả năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đều thực hiện việc đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu phát triển. Các kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội đều được đăng tải thông tin, công khai rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định.

4.1.4. Về thực hiện chủ trương đầu tư

Với chức năng, nhiệm vụ được giao là cơ quan thường trực HĐTD cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện thẩm định chủ trương đầu tư đúng quy định của Luật Đầu tư công số 39 và các quy định dưới Luật. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cũng như sự phát triển KT-XH của tỉnh.

4.1.5. Về Thực hiện tiết kiệm qua công tác lựa chọn nhà thầu

Việc thực hiện tiết kiệm qua các hình thức lựa chọn nhà thầu (kể cả qua đấu thầu) đã góp phần mang lại hiệu quả trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư, trong đó đã tiết kiệm một phần không nhỏ cho ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 3.941 gói thầu. Tổng giá gói thầu là 8.400.824 triệu đồng, tổng giá trúng thầu là 8.082.846 triệu đồng, tổng giá trị tiết kiệm so với giá gói thầu được duyệt là 317.978 triệu đồng. Giá trị, tỷ lệ tiết kiệm theo từng hình thức lựa chọn nhà thầu, cụ thể như sau:

- Đấu thầu rộng rãi qua mạng có giá trị tiết kiệm 251.905 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm: 3,93%.
- Đấu thầu rộng rãi không qua mạng có giá trị tiết kiệm 37.115 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm: 3,46%.
- Chỉ định thầu có giá trị tiết kiệm 24.431 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm: 4,14%.
- Chào hàng cạnh tranh qua mạng có giá trị tiết kiệm 4.206 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm: 7,36%.
- Chào hàng cạnh tranh không qua mạng có giá trị tiết kiệm 50 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm: 2,08%.
- Mua sắm trực tiếp có giá trị tiết kiệm 271 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm: 0,43%.

Với lợi ích về kinh tế như vậy cũng như sự đồng thuận của các Sở, ngành, địa phương, sự phù hợp với nội dung quy định tại Điều 37 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 thì việc thực hiện chủ trương tiết kiệm là cần thiết.

4.2. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Về tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ công chức và tiêu chuẩn máy móc văn phòng phổ biến trang bị tại các phòng làm việc: Các cơ quan, đơn vị cơ bản thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị. Tài sản mua sắm theo phương thức tập trung được thực hiện theo Quyết định 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng chính phủ quy định việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung; Thông tư số 35/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua sắm tài sản theo phương thức tập trung.

- Việc quản lý sử dụng trụ sở làm việc và cơ sở sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đề thực hiện theo đúng quy định về đối tượng, định mức, tiêu chuẩn và các chế độ hiện hành.

- Về sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ: Đã phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh. Năm 2022, Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định sắp xếp lại nhà, đất 11/14 đơn vị (với 86 các cơ sở nhà đất được kiểm tra hiện trạng). Tham gia kiểm tra hiện trạng nhà đất của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn đối với 7 đơn vị (gồm 31 cơ sở nhà đất) và có ý kiến về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất 05 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

5. THPT, CLP trong quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên

5.1. Lĩnh vực đất đai

- Xây dựng Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng

khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”.

- Trình thông qua danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Bắc Ninh; bổ sung kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Chuẩn bị một số nội dung lĩnh vực tài nguyên và môi trường để thực hiện dự án đường vành đai 4 thành phố Hà Nội. Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021- 2025; phối hợp thực hiện xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh. Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021.

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh. Đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tăng cường phát hiện ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp trái phép; rà soát và xác định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trong năm 2022 đối với các dự án đầu tư công.

- Tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị của cử tri theo tổng hợp của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, của Sở; UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị về những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

- Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, giới thiệu địa điểm, lập và điều chỉnh dự án đầu tư khi thực hiện trên địa bàn tỉnh; tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, trong quá trình thực hiện các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Hướng dẫn UBND cấp huyện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án, đặc biệt các dự án trọng điểm; chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu phức hợp thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí. Đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy nhanh tiến độ các dự án dân cư dịch vụ được Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục thực hiện. Cụ thể:

+ Trình UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 45 dự án với diện tích 212,3 ha; phê duyệt phương án đấu giá 01 dự án, kết quả trúng đấu giá 01 dự án; xác định giá khởi điểm để đấu giá QSDĐ 02 dự án, giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất 01 dự án, tiền sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch 02 dự án. Phê duyệt bản đồ trích đo phục vụ công tác bồi thường, GPMB 60 dự án với diện tích 563,5 ha.

+ Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu 2.298 hồ sơ (tổ chức 123 hồ sơ; hộ gia đình, cá nhân 2.175 hồ sơ); cấp mới, cấp đổi, cấp lại, chỉnh lý, xác nhận do biến động đất đai 35.523 hồ sơ (tổ chức 203 hồ sơ; hộ gia đình, cá nhân 35.320

hồ sơ). Đăng ký biện pháp bảo đảm cho 32.143 trường hợp (tổ chức 704 trường hợp; hộ gia đình, cá nhân 31.439 trường hợp). Xác nhận điều kiện chuyển nhượng cho 36 tổ chức (1.773 lô đất ở và 05 tòa nhà chung cư).

+ Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 103 dự án đất dân cư dịch vụ, trong đó: 90 dự án đã có quyết định giao đất của UBND tỉnh, tổng diện tích 564,87 ha; 13 dự án chưa có quyết định giao đất của UBND tỉnh do các địa phương đang thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng và 07 dự án đã có quyết định giao đất (đợt 1) tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để giao đất (đợt 2), tổng diện tích 238,62 ha.

+ Trình UBND tỉnh quyết định cấp phép, phê duyệt: 04 hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản; 18 hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước; 05 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, với số tiền 314,883 triệu đồng; 09 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác nước, với số tiền 337,726 triệu đồng.

5.2. Lĩnh vực Bảo vệ môi trường

- Tham mưu triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Kế hoạch số 408/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh). Trình phê duyệt Kế hoạch Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022 - 2025; kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Ban hành kế hoạch (Kế hoạch số 24/KH-STNMT ngày 09/5/2022) triển khai thực hiện Chương trình hành động số 31-Ctr/TU ngày 18/4/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XX về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiến hành kiểm tra 12 doanh nghiệp theo kế hoạch về việc kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở đang hoạt động trên lưu vực hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Tiếp nhận, xác minh và xử lý 26/26 kiến nghị, phản ánh về môi trường qua đường dây nóng của Tổng cục Môi trường, Cổng thông tin điện tử của Sở và của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ phê duyệt biện pháp bảo vệ môi trường, cụ thể: Trình UBND tỉnh phê duyệt 83 báo cáo đánh giá tác động môi trường, 47 giấy phép môi trường. Cấp 11 giấy xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành, 10 giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp mới và điều chỉnh 07 Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Hướng dẫn 17 doanh nghiệp điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giám sát vận hành hoạt động của nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các công ty môi trường; hướng dẫn công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đối với các trường hợp mắc Covid-19 quản lý tại nhà; phối hợp với các Sở,

ban ngành xem xét xử lý rác thải sinh hoạt theo công nghệ lò đốt; giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do lò đốt rác thải sinh hoạt... Kết quả đạt được như sau:

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị được thu gom kế hoạch 95%, ước thực hiện 95%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị được xử lý kế hoạch 90%, ước thực hiện 90%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại nông thôn được thu gom, tự xử lý, vận chuyển, xử lý tập trung kế hoạch 85%, ước thực hiện đạt 85%.

+ Tỷ lệ cụm công nghiệp và các làng nghề truyền thống có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn kế hoạch 8,9%, ước thực hiện 10,5%.

+ Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý tại khu công nghiệp đã đi vào hoạt động kế hoạch 100%, ước thực hiện 100%.

5.3. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, khoáng sản

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, dự án bãi tập kết cát, sỏi lòng sông và vật liệu xây dựng; phối hợp kiểm soát chặt chẽ các hoạt động gây ô nhiễm, xả nước thải vào nguồn nước; tăng cường bảo vệ các hành lang lưu vực sông.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hoạt động của các cơ sở sản xuất gạch không nung, trạm trộn bê tông; kết quả giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; về quy hoạch, cấp phép hoạt động khoáng sản các khu vực đã được khoanh định có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; tình hình thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước năm 2022.

- Đôn đốc hoàn thành các dự án: Quan trắc động thái nước dưới đất năm 2022; Đánh giá chất lượng nước mưa; điều tra đánh giá phân loại mức độ ô nhiễm suy thoái cạn kiệt nguồn nước mặt; lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai; nhân rộng mô hình xử lý làm sạch ao hồ tại một số ao hồ trung tâm trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện các dự án: Điều tra, đánh giá xác định các mực nước cảnh báo an toàn tại các sông trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; lắp đặt, vận hành mạng quan trắc nước dưới đất tự động; đánh giá diễn biến chất lượng môi trường đất dưới tác động của biến đổi khí hậu.

- Trình UBND tỉnh quyết định cấp phép, phê duyệt: 04 hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản; 18 hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước; 05 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, với số tiền 314,883 triệu đồng; 09 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác nước, với số tiền 337,726 triệu đồng

6. THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

6.1. Về công tác tổ chức bộ máy, quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Về công tác tổ chức bộ máy: Bám sát nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ tập trung hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định sắp xếp, sáp nhập đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả năm 2022, Trình Chủ tịch UBND tỉnh kiện toàn, tổ chức lại Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động thành Trung tâm Điều hành và Giám sát giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh; sáp nhập phòng Hành chính tư pháp và phòng Bổ trợ tư pháp, thành Hành chính - Bổ trợ tư pháp, thuộc Sở Tư pháp; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy cho 13 đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông, trực thuộc Sở Giao thông vận tải; đổi tên cho 02 đơn vị: Trung tâm Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ Bắc Ninh thành: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo và sát hạch lái xe Bắc Ninh, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải, Trung tâm Dạy nghề và Phục hồi chức năng cho người tàn tật, thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Bắc Ninh, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; xếp hạng cho 04 đơn vị: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống (hạng 2), Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh (tạm thời xếp lại hạng 3), Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống (xếp lại hạng 1), Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Tiên Du. Sở Nội vụ thống nhất cơ cấu tổ chức bộ máy cho 16 đơn vị: Gồm 01 đơn vị trực thuộc Sở Công thương (Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp), 07 đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch (Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch, Thư viện tỉnh, Ban Quản lý Di tích tỉnh, Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao, Trung tâm Đào tạo Bóng chuyên, Trung tâm văn hóa tỉnh.), Bệnh viện Phổi, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông thành phố Bắc Ninh, Ban Quản lý dự án xây dựng giao thông, trực thuộc Sở Giao thông vận tải, Bảo tàng tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Văn hoá, thể thao và Truyền thông huyện Quế Võ, trực thuộc UBND huyện Quế Võ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Điều hành và Giám sát giao thông vận tải, trực thuộc Sở Giao thông vận tải, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Phong. Các cơ quan, đơn vị sau khi kiện toàn, sắp xếp đều đã đi vào hoạt động ổn định và phát huy được hiệu quả trong công tác.

- Về quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước: THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

trong khu vực Nhà nước; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ đã chủ động quán triệt, xây dựng các nội dung về quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, phổ biến đến công chức, viên chức, người lao động các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm nội quy, quy chế làm việc của UBND tỉnh, Luật lao động và thời gian lao động theo đúng quy định.

Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giải quyết các chế độ chính sách đối với những người dôi dư thực hiện theo đúng quy định hướng dẫn của Trung ương, Bộ Nội vụ và của tỉnh. Trong năm 2022, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định: Bổ nhiệm 21 người (trong đó: 07 người thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý, 14 người thuộc diện Chủ tịch UBND tỉnh quản lý); bổ nhiệm lại 08 người (trong đó: 01 người diện BTV Tỉnh ủy quản lý, 07 người thuộc diện Chủ tịch UBND tỉnh quản lý); kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đến tuổi nghỉ hưu 02 người (trong đó: 01 người thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý, 01 người thuộc diện Chủ tịch UBND tỉnh quản lý); bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên chính 04 công chức, Thanh tra viên 10 công chức; miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên 05 công chức do chuyển công tác khác; bổ nhiệm lại chức vụ 01 Kiểm soát viên và cử người đại diện phần vốn nhà nước của doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh; phê duyệt quy hoạch Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh; kỷ luật 01 công chức Lãnh đạo, quản lý và 02 viên chức quản lý; giải quyết thôi việc theo nguyện vọng 01 công chức lãnh đạo, quản lý; cũng trong năm 2022, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đồng ý và giao Sở Nội vụ có văn bản thỏa thuận, thống nhất bổ nhiệm 30 người, bổ nhiệm lại 26 người cấp trưởng phòng thuộc Sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện; thỏa thuận bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng các trường thuộc UBND cấp huyện (trong đó: Bổ nhiệm 17 người, bổ nhiệm lại 6 người, kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 người). Đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sáp nhập cơ quan, phòng, ban, đơn vị thì thực hiện tinh giảm đối với những người có nguyện vọng, đủ điều kiện được nghỉ hưu trước tuổi theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức chưa đủ điều kiện sắp xếp, bố trí vị trí việc làm phù hợp theo nguyện vọng và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

Tăng cường công tác rà soát nhu cầu về biên chế và việc tuyển dụng công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị đảm bảo tuyển dụng phù hợp nhu cầu sử dụng, không lãng phí lao động. Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đảm bảo đào tạo, bồi dưỡng không tràn lan gây lãng phí thời gian và ngân sách Nhà nước. Năm 2022, Sở tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 19/04/2022 về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Bắc Ninh năm 2022 với tổng số lớp là 57 lớp, số học viên là 8.785 người.

6.2. Về công tác tinh giảm biên chế

Năm 2022 đã thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, giải quyết chế độ, chính sách cho 45 đối tượng tinh giản biên chế: Gồm 01 công chức; 34 sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, 01 cán bộ công chức xã; 03 sự nghiệp Văn hóa thể thao; 06 hợp đồng lao động 68 (trong đó: 04 người khối các cơ quan hành chính; 01 người khối hành chính sự nghiệp khác; 01 người công tác Hội). Sở Nội vụ thống nhất số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định 68 hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giai đoạn 2022-2024 cho 10 đơn vị: Trong đó 04 đơn vị thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường; Quỹ phát triển đất; Bệnh viện Đa khoa tỉnh thuộc Sở Y tế; Ban Quản lý Dự án xây dựng giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải; Ban Quản lý Dự án xây dựng thuộc UBND huyện Tiên Du, Quế Võ, Yên Phong. Trong năm 2022, tỉnh Bắc Ninh đã giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng theo quy định. Tổng số biên chế là 26.629 chỉ tiêu, trong đó công chức 1.467 chỉ tiêu, số lượng người làm việc (viên chức) 24.485 chỉ tiêu, lao động hợp đồng theo Nghị định 68 là 677 chỉ tiêu; so với biên chế giao năm 2020, biên chế công chức giảm 14 chỉ tiêu, viên chức giảm 1.301 chỉ tiêu;

6.3. Lĩnh vực thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khối Nhà nước năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh về việc kiểm tra công vụ; Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ tỉnh Bắc Ninh. Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra công vụ đột xuất 01 Sở và 04 huyện, thành phố; thực hiện thanh tra kiểm tra chuyên ngành Nội vụ tại 03 cơ quan, đơn vị vụ: Sở Khoa học và Công nghệ (theo Quyết định số 202/QĐ-SNV ngày 31/3/2022 của Sở Nội vụ), Sở Tư pháp (theo Quyết định số 358/QĐ-SNV ngày 02/6/2022 của Sở Nội vụ), UBND thành phố Bắc Ninh (theo Quyết định 508/QĐ-SNV ngày 11/10/2022 của Sở Nội vụ). Qua thanh tra, kiểm tra không phát hiện cơ quan, đơn vị nào vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 31.12.2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính năm 2022 đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Bắc Ninh.

UBND tỉnh giao Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị thực hiện giám sát theo các nội dung, tiêu chí giám sát, đánh giá quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Thông tư số 200/2015/TT-BTC, Thông tư số 77/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC và Quyết định 222/QĐ-UBND nêu trên. Việc giám sát tài chính của cơ quan tài chính thực hiện gián tiếp thông qua báo cáo của doanh nghiệp và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Hiện tại, có 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là: Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Đuống, Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Đuống và Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bắc Ninh.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được duy trì và hoạt động tương đối ổn định. Đối với 02 doanh nghiệp thủy nông doanh thu đạt gần 50% kế hoạch năm, riêng Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Bắc Ninh doanh thu đạt 58,2% kế hoạch năm, lợi nhuận thực hiện 6 tháng: 1.378 triệu đồng; tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 5,4%.

- Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản: Các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng nguồn vốn được giao, bảo đảm các tài sản, vốn nhà nước giao tại Công ty được bảo toàn, phát triển và sử dụng có hiệu quả.

- Tình hình chấp hành chế độ chính sách: Các doanh nghiệp tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đúng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích: Các doanh nghiệp nhà nước được giao kế hoạch công ích thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp đã đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, không bị úng, hạn.

UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 05/9/2022 về kết quả giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước 6 tháng đầu năm 2022. Kết quả đánh giá các doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

8. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Năm 2021, dịch Covid- 19 ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thu nhập bị giảm sút. Tỉnh ủy, UBND đã tổ chức điều hành kịp thời, linh hoạt ứng với từng thời điểm của bệnh dịch, tạo mọi điều kiện giúp doanh nghiệp không đứt gãy chuỗi sản xuất, tạo mọi điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân, đầu tư, phát triển, từng bước giúp ổn định sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh tuyên truyền nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, lối sống xa hoa, lãng phí và được người dân hưởng ứng.

Năm 2022, Tỉnh ủy, UBND đã tổ chức điều hành tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, trọng tâm là lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, góp phần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp ngoài nhà

nước, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc.

Kịp thời tuyên truyền, nêu gương điển hình trong hoạt động tiết kiệm, chống lãng phí và kịp thời phê phán các biểu hiện, hành vi vi phạm, gây lãng phí trong sản xuất, tiêu dùng của các tổ chức, cá nhân dưới nhiều hình thức

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan triển khai và duy trì các hoạt động nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước và nhận thức cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (sử dụng điện tại công sở, chiếu sáng tại các khu vực công cộng), tích cực hưởng ứng "giờ trái đất" với nhiều hình thức (tạm dừng, hạn chế sử dụng điện, tuyên truyền), phát động phong trào thi đua tiết kiệm điện trên toàn tỉnh.

9. Về kết quả triển khai thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP

- Trong giai đoạn từ năm 2014 - 2022, toàn tỉnh đã tiến hành 768 cuộc thanh tra tại 2.201 đơn vị, tổ chức. Trong đó có các nội dung liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung các lĩnh vực: Quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công; quản lý, sử dụng đất đai; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng đất; việc chấp hành chính sách pháp luật về thuế; thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng...

- Kết quả thanh tra đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những khuyết điểm, hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc, trong đó có liên quan tới thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị: Vi phạm nguyên tắc tài chính, xây dựng cơ bản, quản lý, sử dụng đất đai, công khai minh bạch... đồng thời xác định rõ nguyên nhân và có kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có thiếu sót, khuyết điểm. Góp phần nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế 644.274,1 trđ (trong đó: kiến nghị thu hồi về nhà nước là 163.511,1 trđ, kiến nghị khác là 480.763,08 trđ) và sai phạm về đất là 807.355,5 m².

III. ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM THEO THÔNG TƯ 129/TT-BTC

Sở Tài chính tổng hợp báo cáo kết quả chấm điểm THTK, CLP trong chi thường xuyên tỉnh Bắc Ninh theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính năm 2022, tổng số điểm là điểm.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN LUẬT THTK, CLP

1. Đánh giá kết quả đạt được

Tỉnh ủy, UBND đã tích cực lãnh đạo chỉ đạo triển khai thực hiện công tác THTK, CLP đến các đơn vị và địa phương; thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật về THTK, CLP toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Qua đó, đã khắc phục được những hạn chế, yếu kém, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Các đơn vị, địa phương đã thường xuyên tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu công, tiếp khách, tổ chức các hội nghị, hội thảo, việc điều hành ngân sách chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn; quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ thông qua công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước đối với từng lĩnh vực theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan đã góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ thẩm định quyết toán, công tác đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng NSNN; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành.

Thực hiện tốt việc sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn, xếp hạng, quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức một số cơ quan, đơn vị theo quy định, thực hiện tinh giản biên chế giúp các cơ quan đơn vị kiện toàn bộ máy tổ chức đi vào hoạt động ổn định và phát huy được hiệu quả trong công tác.

Các doanh nghiệp quản lý vốn nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo toàn vốn chủ sở hữu và có xu hướng phát triển.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Những tồn tại, hạn chế

Việc triển khai THPTK, CLP trong tỉnh trong thời gian qua bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại hạn chế sau:

- Một số địa phương, đơn vị chưa xây dựng Chương trình THPTK, CLP theo quy định. Việc xây dựng chương trình THPTK, CLP ở một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực.

- Chế độ thực hiện thông tin báo cáo: Một số cơ quan báo cáo chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu, số liệu trong từng lĩnh vực chưa nêu hoặc nêu chung chung, nên việc tổng hợp báo cáo kết quả THPTK, CLP của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Tình trạng lãng phí trong tổ chức bộ máy và sử dụng lao động chưa được khắc phục triệt để mặc dù công tác cải cách thủ tục hành chính, tinh gọn bộ máy đã được triển khai.

- Việc kiểm tra, tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị còn hạn chế. Kết quả thanh tra, kiểm tra công tác THPTK, CLP đôi lúc vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

b) Nguyên nhân

- Lãnh đạo một số đơn vị, địa phương chưa quan tâm nhiều đến công tác THPTK, CLP; việc triển khai và tổ chức còn mang tính hình thức, chưa sát thực tế công tác quản lý và điều hành của đơn vị, địa phương.

- Công tác giám sát của các đoàn thể, nhân dân về công tác THPTK, CLP còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu... Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý những vi phạm về THPTK, CLP chưa được quan tâm, đúng mức.

- Nhận thức và hành động của một số CBCCVV và người lao động đối với công tác THPTK, CLP chưa cao, còn mang tính thụ động.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THPTK, CLP, chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP và Chương trình THPTK, CLP của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác THPTK, CLP; Đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPTK, CLP; công khai kết quả thanh tra, kiểm tra và kết quả xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý thu đúng, thu đủ kịp thời thuế vào NSNN; chống thất thu thuế; tập trung xử lý các khoản nợ đọng thuế; nhất là các doanh nghiệp nợ đọng tiền sử dụng đất;

Tăng cường các biện pháp trong quản lý điều hành ngân sách, quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện nghiêm túc các chế độ định mức tiêu chuẩn về quản lý tài chính, tài sản.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây thất thoát, lãng phí.

Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Chống lãng phí trong việc mua sắm tài sản công thông qua việc triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung, mua sắm qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Chống lãng phí trong sử dụng nguồn lực lao động, nâng cao chất lượng lao động, tăng hiệu suất công việc đạt được, chấp hành nghiêm các quy định tại nơi làm việc.

Chống lãng phí trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trong xử lý ô nhiễm môi trường thông qua việc thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch về sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản đã được phê duyệt; huy động mọi nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường nhất là khu dân cư và các làng nghề truyền thống; đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả các dự án xử lý ô nhiễm môi trường; phấn đấu 100% các điểm tập kết rác thải đảm bảo hoạt động hiệu quả, vệ sinh môi trường.

4. Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và thanh tra công vụ.

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý.

5. Nghiêm túc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch; tiếp tục xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên để tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, phê bình và xử lý nghiêm đối với những tập thể, cá nhân có thiếu sót, khuyết điểm; Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thực hiện Luật THTK, CLP.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, Sở Tài chính Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, TTr.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Huấn

